



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



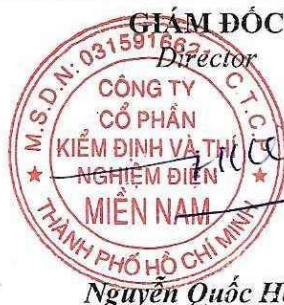
ISO/IEC 17025:2017

|                           |                                                                  |                                            |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 1872/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 24/06/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

|                                                                                                |                                                                                                                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br><i>Customer:</i>                                                     | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2</b><br><b>CHI NHÁNH VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ NHÀ MÁY ĐIỆN –</b><br><b>TRẠM CẮT 110KV TÂY NINH 1</b> |
| 2. Địa chỉ thử nghiệm:<br><i>Place of testing:</i>                                             | Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện – ETSC                                                                                                |
| 3. Đối tượng thử nghiệm:<br><i>Type of testing:</i>                                            | Găng tay cao su cách điện trung thế<br><i>The medium voltage insulating rubber gloves</i>                                                |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br><i>Quantity/Installation location:</i>                         | 01 Đôi/ 01 Pair                                                                                                                          |
| 5. Phương pháp thử nghiệm:<br><i>Method of testing:</i>                                        | TN/QT-16; TCVN 8084 : 2009 (IEC 60903 : 2002), 959/QĐ-EVN.<br>Tài liệu kỹ thuật NSX; Theo yêu cầu khách hàng.                            |
| 6. Thời gian thực hiện:<br><i>Inspection Date:</i>                                             | 23÷24/06/2025                                                                                                                            |
| 7. Thông số kỹ thuật:<br><i>Specification:</i>                                                 | Loại/ Type: YS-101-32-03                                                                                                                 |
|                                                                                                | Năm sản xuất/ Date of manufacture: 09/2018                                                                                               |
|                                                                                                | Điện áp làm việc lớn nhất/ Maximum working voltage: 26,5kV                                                                               |
|                                                                                                | Tần số/ Frequency: 50/60 Hz                                                                                                              |
|                                                                                                | Số quản lý/ Serial No: Không rõ (size L)                                                                                                 |
| 8. Phương tiện thử nghiệm:<br><i>Testing equipment:</i>                                        | Nhà sản xuất/ Manufacture: YOTSUGI - JAPAN                                                                                               |
|                                                                                                | Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.                                                                                                  |
|                                                                                                |                                                                                                                                          |
|                                                                                                |                                                                                                                                          |
|                                                                                                |                                                                                                                                          |
| 9. Điều kiện môi trường:<br><i>Environmental conditions:</i>                                   | ( 32 ± 2 ) °C ; ( 60 ± 5 ) % RH                                                                                                          |
| 10. Kết quả thử nghiệm:<br><i>Testing result:</i>                                              | Xem trang sau<br><i>See next page</i>                                                                                                    |
| 11. Tem thử nghiệm:<br><i>Testing stamp No:</i>                                                | <b>1312/25/ETSC</b>                                                                                                                      |
| 12. Kết luận<br><i>Conclusion</i>                                                              | Găng tay cao su cách điện trên đạt tiêu chuẩn kỹ thuật / <i>The above insulated rubber gloves meets technical standards</i>              |
| 13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 12/2025<br><i>Recommended next testing period:</i> |                                                                                                                                          |

Người Thực Hiện  
*Executor*

Nguyễn Kim Khoa



Nguyễn Quốc Hoàn



|                                                                                                             |                                                                  |                                            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|  Số/ No: 18/2/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 24/06/2025<br>Trang/ Page: 2/2 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1  
 Content of measured results 10 page 1

**10.1 Kiểm tra trực quan/ Visual check:** Không phát hiện bất thường/ Pass.

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object                             | So sánh tham chiếu<br>Compare reference           | Kết quả<br>Result | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| 1         | Nhãn mác/ Label                                              | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/ Good     | Đạt/ Ok            |
| 2         | Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/ Check the equipments exterior | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/ Good     | Đạt/ Ok            |
| 3         | Bề mặt cách điện/ Insulation surface                         | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/ Good     | Đạt/ Ok            |

**10.2 Điện trở cách điện ( $R_{cd}$ )/ Insulation Test ( $M\Omega$ ):**

| Đối tượng đo<br>The object of measurement                      | Mức tiêu chuẩn<br>Standard level<br>( $M\Omega$ ) | Kết quả đo<br>Measurement<br>results ( $M\Omega$ ) | Đánh giá<br>Assess |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------|
| Cực trong Găng phải - Vỏ bồn<br>Iron bar in right glove - Case | > 1.000                                           | 50.000                                             | Đạt/ Pass          |
| Cực trong Găng trái - Vỏ bồn<br>Iron bar in left glove - Case  | > 1.000                                           | 50.000                                             | Đạt/ Pass          |

**10.3 Thử điện áp xoay chiều - đo dòng điện rò/ AC voltage test - leakage current measurement:**

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object | Điện áp thử nghiệm<br>Check voltage (kV/s) | Mức tiêu chuẩn<br>Standard level<br>(mA) | Kết quả<br>Result<br>(mA) | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|----------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------|--------------------|
| 1         | - Găng phải/ Right               | 9,0kV/60s                                  | $\leq 9,0$                               | < 9,0                     | Đạt/ Ok            |
|           | - Găng trái/ Left                | 9,0kV/60s                                  | $\leq 9,0$                               | < 9,0                     | Đạt/ Ok            |

**10.4 Thử nghiệm điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ Industrial frequency alternating voltage:**

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object                   | Điện áp thử nghiệm<br>Check voltage (kV/s) | Kết quả<br>Result | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| 1         | Kiểm tra độ bền điện môi/ Test dielectric strength |                                            |                   |                    |
|           | - Găng phải/ Right                                 | 26,5kV/60s                                 | Chịu được/ Pass   | Đạt/ Ok            |
|           | - Găng trái/ Left                                  | 26,5kV/60s                                 | Chịu được/ Pass   | Đạt/ Ok            |